

Số: *MS* /QĐ-CDGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày *26* tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho học sinh khoá tuyển sinh năm 2018, 2019, 2021
trình độ Trung cấp - Đào tạo theo phương thức tích lũy MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CDGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy
chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-CDGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy
định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy
mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp ngày *26* tháng 8 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp
Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp
cho học sinh khóa tuyển sinh năm 2018, 2019, 2021 trình độ Trung cấp - Đào tạo theo
phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **42** học sinh khóa tuyển sinh năm 2018, 2019,
2021 trình độ Trung cấp - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trong
đó:

1. Nghề Điện công nghiệp và dân dụng - 09 học sinh

TC18ĐD1: 03 học sinh (02 Khá)

TC19ĐD3: 02 học sinh (02 Khá)

TC19ĐD4: 03 học sinh (01 Giỏi, 02 Khá)

TC19ĐD5: 01 học sinh

2. Nghề Lập trình/ Phân tích hệ thống (Công nghệ thông tin) – 09 học sinh

TC18T1: 01 học sinh (01 Giỏi)

TC19T2: 08 học sinh (04 Giỏi, 04 Khá)

3. Nghề Bảo trì và sửa chữa ô tô – 02 học sinh

TC18CS1: 02 học sinh (01 Khá)

4. Nghề Kế toán doanh nghiệp – 02 học sinh

Handwritten signature

TC18KD1: 02 học sinh (02 Khá)

5. Nghề Quản lý và bán hàng siêu thị - 01 học sinh

TC19QST1: 01 học sinh (01 Xuất sắc)

6. Nghề Kinh doanh vận tải đường bộ - 19 học sinh

TC21KVB1: 19 học sinh (13 Xuất sắc, 05 Giỏi, 01 Khá).

(Có danh sách học sinh các lớp kèm theo)

Điều 2. Học sinh tốt nghiệp được cấp bằng Trung cấp theo quy định của Bộ Lao động -Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng công tác HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan và học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*gh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT *ndt*



ThS. Đoàn Việt Hùng

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 2018, 2019, 2021 TỐT NGHIỆP THÁNG 8/2022

(Kèm theo Quyết định số: 186/QĐ-CDGTVTW V ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH/ NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG (09 HỌC SINH)

1. LỚP TC18ĐD1 (03 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520223120	Nguyễn Duy Thoại	28/08/2003	Nam	Đà Nẵng	73	Khá	60	60	5	2.43	Trung bình	
2	185520223130	Nguyễn Văn Giàu	23/08/2003	Nam	Đà Nẵng	74	Khá	60	60	0	2.93	Khá	
3	185520223177	Nguyễn Phương Tuấn	27/08/2003	Nam	Đà Nẵng	74	Khá	60	60	5	2.82	Khá	

2. LỚP TC19ĐD3 (02 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	195520223109	Lê Tuấn Hữu	24/07/2003	Nam	Quảng Nam	87	Tốt	55	55	1	3.39	Khá	Hạ bậc
2	195520223322	Trần Dương Chính	09/09/2004	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	55	55	0	2.86	Khá	

3. LỚP TC19ĐD4 (03 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	195520223411	Trần Bá Hoàng	06/09/2004	Nam	Quảng Nam	74	Khá	55	55	0	2.62	Khá	
2	195520223432	Lê Khánh	18/08/2004	Nam	Đà Nẵng	76	Khá	55	55	0	2.85	Khá	
3	195520223402	Phan Thành Nhân	12/11/2004	Nam	Đà Nẵng	79	Khá	55	55	0	3.42	Giỏi	

4. LỚP TC19ĐD5 (01 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	195520223521	Nguyễn Văn Tiên	16/05/2004	Nam	Đà Nẵng	72	Khá	55	55	0	2.47	Trung bình	

II. NGÀNH/ NGHỀ LẬP TRÌNH VÀ PHÂN TÍCH HỆ THỐNG (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN): 09 HỌC SINH

1. LỚP TC18T1 (01 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520223136	Thân Văn Huy	28/10/2003	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	56	56	0	3.22	Giỏi	

2. LỚP TC19T2 (08 HỌC SINH)

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	195480211270	Huỳnh Ngọc Huy	13/10/2004	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	55	55	0	3.39	Giỏi	
2	195480211223	Thạch Bảo Lộc	04/08/2004	Nam	Đà Nẵng	80	Tốt	55	55	0	3.24	Giỏi	
3	195480211208	Phạm Thiên Đồng	05/02/2004	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	55	55	0	3.22	Giỏi	
4	195480211234	Nguyễn Tiến Phước	06/02/2004	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	55	55	0	3.21	Giỏi	
5	195480211224	Nguyễn Duy Lộc	27/09/2004	Nam	Đà Nẵng	83	Tốt	55	55	1	3.32	Khá	Hạ bậc
6	195480211230	Trương Văn Phát	07/03/2004	Nam	Đà Nẵng	81	Tốt	55	55	1	3.32	Khá	Hạ bậc
7	195480211260	Trần Thị Việt Nhi	12/12/2004	Nữ	Hà Tĩnh	81	Tốt	55	55	0	3.19	Khá	
8	195480211257	Nguyễn Minh Anh	25/01/2004	Nữ	Quảng Nam	80	Tốt	55	55	0	3.16	Khá	

III. NGÀNH/ NGHỀ BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA Ô TÔ - LỚP TC18CS1: 02 HỌC SINH

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185510216133	Đoàn Văn Kỳ	24/08/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	54	54	8	2.82	Khá	
2	185510216134	Trần Gia Kiệt	09/10/2003	Nam	Quảng Nam	69	TB Khá	62	62	5	2.35	Trung bình	

IV. NGÀNH/ NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - LỚP TC18KD1: 02 HỌC SINH

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thí lại	TBC TL		
1	185340110101	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	10/02/2002	Nữ	Kon Tum	82	Tốt	56	56	0	3.13	Khá	
2	185340302104	Phùng Thị Thương	01/01/2003	Nữ	Kon Tum	81	Tốt	56	56	5	3.12	Khá	

V. NGÀNH/ NGHỀ QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ - LỚP TC19QST1: 01 HỌC SINH

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thí lại	TBC TL		
1	195340309112	Hà Ngọc Linh	12/04/2003	Nữ	Đà Nẵng	83	Tốt	55	55	0	3.68	Xuất sắc	

VII. NGÀNH/ NGHỀ KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ - LỚP TC21KVB1: 19 HỌC SINH

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thí lại	TBC TL		
1	215340110113	Huỳnh Thị Bích Ngân	28/02/1986	Nữ	Bến Tre	80	Tốt	35	35	0	3.88	Xuất sắc	
2	215340110107	Nguyễn Đức Thuận	07/09/1979	Nam	Vĩnh Phúc	81	Tốt	35	35	0	3.84	Xuất sắc	
3	215340110101	Đinh Trọng Minh	06/12/1970	Nam	Đà Nẵng	78	Khá	35	35	0	3.83	Xuất sắc	
4	215340110115	Nguyễn Anh Huy	16/04/1986	Nam	Bến Tre	78	Khá	35	35	0	3.81	Xuất sắc	
5	215340110111	Huỳnh Việt Huệ	29/08/1989	Nam	Quảng Nam	77	Khá	35	35	0	3.80	Xuất sắc	
6	215340110112	Phạm Thanh Tuyền	10/07/1991	Nữ	Bến Tre	77	Khá	35	35	0	3.77	Xuất sắc	
7	215340110109	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	25/03/1978	Nữ	Khánh Hòa	75	Khá	35	35	0	3.69	Xuất sắc	
8	215340110116	Lê Anh Huy	01/01/1996	Nam	Quảng Nam	77	Khá	35	35	0	3.69	Xuất sắc	
9	215340110103	Huỳnh Thị Thắm	09/06/2000	Nữ	Đắk Lắk	80	Tốt	35	35	0	3.67	Xuất sắc	
10	215340110114	Nguyễn Thanh Tâm	15/03/1982	Nam	Bến Tre	76	Khá	35	35	0	3.67	Xuất sắc	
11	215340110118	Trần Thị Ngọc Thuý	22/09/1998	Nữ	Quảng Nam	79	Khá	35	35	0	3.67	Xuất sắc	
12	215340110120	Nguyễn Bảo Ngân	12/11/1994	Nữ	Khánh Hòa	76	Khá	35	35	0	3.67	Xuất sắc	
13	215340110122	Nguyễn Bảo Ngọc	25/01/1993	Nữ	Khánh Hòa	77	Khá	35	35	0	3.67	Xuất sắc	

STT	Mã số HS	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
14	215340110106	Phạm Khánh Nam	18/11/1978	Nam	Khánh Hòa	77	Khá	35	35	0	3.58	Giỏi	
15	215340110121	Lê Hùng Tiên	02/09/1990	Nam	Khánh Hoà	76	Khá	35	35	0	3.53	Giỏi	
16	215340110123	Vũ Lê Quốc Đạt	02/12/1985	Nam	Khánh Hòa	78	Khá	35	35	0	3.48	Giỏi	
17	215340110117	Nguyễn Hữu Đức	10/10/1994	Nam	Quảng Bình	78	Khá	35	35	0	3.41	Giỏi	
18	215340110110	Nguyễn Tấn Bách	22/05/1989	Nam	Quảng Nam	75	Khá	35	35	0	3.38	Giỏi	
19	215340110102	Nguyễn Nhật Hoàn	27/06/1970	Nam	Sơn La	76	Khá	35	35	0	2.86	Khá	

(Danh sách có 42 học sinh) *Hy*

